

## **BÁO CÁO**

### **Chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 năm 2014**

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH**

##### **1. Những hoạt động chỉ đạo điều hành nổi bật của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

Trong tháng 12, bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện các công tác thường xuyên theo kế hoạch, các đồng chí Thường trực UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo chuẩn bị tốt các tờ trình, đề án thông qua HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2014.
- Chỉ đạo, phối hợp tổ chức tốt cuộc đua xe đạp “Xuyên Việt 2014 cúp quốc phòng Việt Nam” tại Bắc Kạn.
- Chỉ đạo giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân.

##### **2. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành**

Trong tháng, UBND tỉnh đã ban hành: 275 Quyết định, 530 Công văn chỉ đạo toàn diện các mặt kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh, trong đó có các văn bản cần chú ý sau:

- Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 3/2014”.
- Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015.
- Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Phê duyệt Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
- Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh về việc KH Thực hiện Chương trình hành động đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực trong công tác quản lý công chức, viên chức và thi đua, khen thưởng của tỉnh Bắc Kạn

#### **II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 12 NĂM 2014**

##### **1. Sản xuất nông, lâm nghiệp**

Trong tháng, một số địa phương tiến hành gieo trồng cây vụ Đông tuy nhiên tiến độ còn đạt thấp do thời tiết rét đậm, rét hại và khô hạn nên chưa tiến hành gieo cấy được, đến nay nhân dân đã trồng: Cây ngô 231 ha; Rau các loại 324 ha; Khoai tây 133 ha; khoai lang 66 ha.

Đàn gia súc, gia cầm duy trì và phát triển ổn định. Công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và công tác kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật được

duy trì thường xuyên, trong tháng trên địa bàn tỉnh không xảy ra dịch bệnh lớn trên đàn gia súc gia cầm; các địa phương đã triển khai thực hiện tốt công tác tiêm phòng đợt II cho đàn gia súc, gia cầm của tỉnh..

Công tác trồng rừng: Diện tích trồng rừng toàn tỉnh trồng được khoảng 10.314/10.000 ha, đạt 103% kế hoạch, trong đó: trồng rừng phòng hộ 479 ha; rừng sản xuất 9.835 ha.

Công tác giao khoán khoanh nuôi tái sinh rừng tháng 12 năm 2014 ước đạt 108.238 ha; khoán bảo vệ rừng được 175.267 ha; chăm sóc rừng đạt 37.330 ha.

Khai thác lâm sản ước tính 12 tháng: Gỗ tròn 143.034m<sup>3</sup>; củi 654.450 nghìn Ste.

## **2. Công nghiệp - xây dựng cơ bản**

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì. Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 12 năm 2014 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 146.485 triệu đồng. Cộng dồn 12 tháng ước đạt 871.517 triệu đồng, đạt 86,9% kế hoạch, bằng 98,94% so với năm 2013.

Trong đó: tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến tiếp tục tăng cao và đạt trên 50% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, công nghiệp chế biến tăng chủ yếu ở chế biến sau khoáng sản và chế biến nông, lâm sản. Cụ thể: Công nghiệp chế biến chiếm 51,94%, tăng 3,32% so với năm 2013; Công nghiệp khai thác chiếm 40,62%, giảm 1,28%; Công nghiệp điện, nước chiếm 5,45%, giảm 0,08%; Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động xử lý nước thải chiếm 2,08%, tăng 0,02%.

Tổng vốn đầu tư phát triển được giao 1.678.948 triệu đồng, số kế hoạch vốn đã giải ngân 1.629.590 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch. Trong đó, kết quả giải ngân một số nguồn như sau:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương được giao 242.400 triệu đồng, giải ngân đạt 230.000 triệu đồng, bằng 95% so với kế hoạch.

- Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu được giao 222.000 triệu đồng, giải ngân đạt 200.000 triệu đồng, bằng 90% so với kế hoạch.

- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ được giao 811.842 triệu đồng, giải ngân đạt 714.342 triệu đồng, bằng 88% so với kế hoạch.

- Nguồn vốn Chương trình MTQG (vốn đầu tư) được giao 162.580 triệu đồng, giải ngân đạt 100.000 triệu đồng, bằng 62% so với kế hoạch.

- Nguồn vốn Sở xố kiến thiết được giao 17.500 triệu đồng, giải ngân đạt 15.000 triệu đồng, bằng 86% so với kế hoạch.

## **3. Thương mại, dịch vụ**

Tổng mức doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 12 năm 2014 ước đạt 285.053 tỷ đồng, cả năm 2014 ước đạt 3.433.033 triệu đồng, đạt 88% kế hoạch và tăng 17,4% so với cùng kỳ.

Hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng được nhu cầu vận chuyển và đi lại của người dân, trong đó: vận chuyển hành khách 942,6 nghìn người, lượng hành khách luân chuyển là 82,68 triệu người/km; Vận chuyển hàng

hoá ước đạt 1.358,5 nghìn tấn, với khối lượng hàng hoá luân chuyển là 22,886 triệu tấn/km.

Doanh thu vận tải đầu năm 2014 ước đạt 165.261 triệu đồng, tăng 3,27% so với cùng kỳ.

#### **4. Thu, chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2014 ước đạt 430.000 triệu đồng, bằng 95,56% so với kế hoạch.

Trong đó, thu nội địa 395.000 triệu đồng, đạt 100,5% kế hoạch năm, tăng 98,19% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 25.000 triệu đồng, đạt 53,19% kế hoạch, bằng 86,74% so với cùng kỳ; thu từ xổ số kiến thiết 10.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch năm, tăng 83,33% so với cùng kỳ.

Các đơn vị đã thực hiện tốt kiểm soát chi thường xuyên, tổng chi ngân sách ước đạt 3.581.299 triệu đồng, đạt 116,63% kế hoạch năm; trong đó: Chi thường xuyên đạt 2.719.799 triệu đồng, đạt 110,68% kế hoạch.

#### **5. Văn hoá - xã hội.**

Ngành Giáo dục - Đào tạo tiếp tục đổi mới quản lý, đổi mới công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường giáo dục toàn diện và quản lý học sinh.

Trong tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã công nhận 03 trường học đạt chuẩn quốc gia về Giáo dục năm 2014 đó là trường THCS thị trấn Chợ Rã, Trường mầm non Chu Hương và trường mầm non Đồng Phúc, huyện Ba Bè.

Công tác khám chữa bệnh cho nhân dân tiếp tục được ngành y tế duy trì tốt, các đơn vị trong ngành y tế thường xuyên chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tốt công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ về phòng chống và giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn. Các huyện, thị xã trên địa bàn tiếp tục thực hiện “Chiến dịch tiêm vắc xin sởi – Rubella”, đồng thời triển khai công tác phòng chống dịch bệnh mùa Đông – Xuân 2014 – 2015.

#### **6. Công tác nội chính.**

Công tác nội chính được quan tâm tốt. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân tháng 12 năm 2014. Các cơ quan quân sự, công an thực hiện tốt công tác trực ban, tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội.

Trong tháng 12 năm 2014 trên địa bàn tỉnh xảy ra 37 vụ phạm pháp hình sự, giảm 05 vụ (12%) so với tháng 11/2014, trong đó: 29 vụ tội phạm về trật tự xã hội; 08 vụ tội phạm về ma túy.

Trong tháng 12, trên địa bàn xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông, làm bị thương 09 người, chết 04 người. Lũy kế 12 tháng năm 2014, đã xảy ra 69 vụ tai nạn giao thông, làm chết 21 người và 89 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2013, tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí: giảm 21 vụ, giảm 08 người chết và giảm 15 người bị thương.

Kết quả trạm cân trọng tải: Tổng số xe kiểm tra: 520; nhắc nhở: 01 xe; số xe vi phạm lập biên bản: 34, trong đó: quá tải thiết kế của xe: 29 xe, quá tải cầu đường: 0 xe, vi phạm khác: 05 xe. Yêu cầu hạ tải: 112,611 tấn, số xe vi phạm của địa phương: 04; số xe vi phạm của địa phương khác: 30.

### **III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 01 NĂM 2015:**

1. Chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho sản xuất vụ Đông - Xuân 2015; phòng chống rét và dịch bệnh.

2. Tập trung chỉ đạo thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng tiến độ.

3. Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả hàng hoá. Chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm cá vi phạm trong lĩnh vực lâm sản, khoáng sản.

4. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quốc phòng quân sự địa phương, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu.

5. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội: Tiếp tục chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo duy trì nề nếp phong trào thi đua dạy tốt, học tốt tại tất cả các trường. Đẩy mạnh công tác khám chữa bệnh cho nhân dân, đảm bảo các chế độ về chính sách, bảo hiểm y tế, thuốc. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục rà soát các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kế hoạch của UBND tỉnh.

6. Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tăng cường các biện pháp kiểm soát tải trọng xe, tuần tra kiểm soát giao thông nhằm đẩy lùi tai nạn giao thông.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Quân khu I;
- Phân xã TTX Việt Nam tại Bắc Kạn;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thị xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT, VX, NC, NgV, KTTH.

*EM*

**TL. CHỦ TỊCH  
CHÁNH VĂN PHÒNG**





**Biểu 1**

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH NĂM 2014**

(Kèm theo Báo cáo số: **441**/BC-UBND ngày **31** tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014	Ước thực hiện năm 2014	Ước TH so với kế hoạch (%)
<b>A</b>	<b>KẾT QUẢ SẢN XUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH NĂM 2014</b>				
	<b>Tổng sản lượng lương thực có hạt</b>	<b>Tấn</b>	<b>170.480</b>	<b>176.080</b>	<b>103,3</b>
	+ Lúa	Tấn	105.564	112.000	106,1
	+ Ngô	Tấn	64.916	64.080	98,7
<b>1.1</b>	<b>Cây lúa</b>				
	<b>- Lúa vụ xuân</b>	<b>ha</b>	<b>7.700</b>	<b>8.723</b>	<b>113,3</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	54,00	50,87	94,2
	+ Sản lượng	Tấn	41.844	44.377	106,1
	<b>- Lúa vụ mùa</b>	<b>ha</b>	<b>14.300</b>	<b>14.890</b>	<b>104,1</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	44,60	45,00	100,9
	+ Sản lượng	Tấn	63.720	67.009	105,2
	<b>- Lúa nương</b>	<b>ha</b>		<b>423</b>	
	+ Năng suất	Tạ/ha		14,50	
	+ Sản lượng	Tấn		614	
<b>1.2</b>	<b>Cây Ngô</b>				
	<b>- Ngô vụ đông xuân</b>	<b>ha</b>	<b>9.700</b>	<b>10.551</b>	<b>108,8</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	43	39	90,5
	+ Sản lượng	Tấn	41.969	41.354	98,5
	<b>- Ngô vụ mùa</b>	<b>ha</b>	<b>6.000</b>	<b>6.095</b>	<b>101,6</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	38	37	97,6
	+ Sản lượng	Tấn	22.947	22.726	99,0
<b>1.3</b>	<b>Khoai lang</b>	<b>ha</b>	<b>450</b>	<b>546</b>	<b>121,3</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	44	46,54	105,8
	+ Sản lượng	Tấn	1.975	2.541	128,7
<b>1.4</b>	<b>Đậu tương:</b>	<b>ha</b>	<b>1200</b>	<b>1026</b>	<b>85,5</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	16	15,21	95,1
	+ Sản lượng	Tấn	1.925	1.561	81,1
<b>1.5</b>	<b>Lạc:</b>	<b>ha</b>	<b>500</b>	<b>555</b>	<b>111,0</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	14	14,97	106,9
	+ Sản lượng	Tấn	683	831	121,7
<b>1.6</b>	<b>Rau các loại</b>	<b>ha</b>	<b>1850</b>	<b>2009</b>	<b>108,6</b>
	+ Năng suất	Tạ/ha	116	88,46	76,3
	+ Sản lượng	Tấn	21.399	17.771	83,0

**Biểu 2**  
**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

(Theo giá so sánh 2010)



(Kèm theo Báo cáo số: ~~441~~ /BC- UBND ngày ~~31~~ tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Ước thực hiện tháng 12 năm 2014	Ước TH năm 2014	Ước thực hiện cả năm 2014 so với (%)	
				Cùng kỳ	Kế hoạch
1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số</b>	<b>1.002.894</b>	<b>146.485</b>	<b>871.517</b>	<b>98,9</b>	<b>86,90</b>
<b>Phân theo ngành kinh tế</b>					
1. Công nghiệp khai thác	368.504	73.970	354.018	101,9	96,07
2. Công nghiệp chế biến	438.190	65.831	451.798	95,5	103,11
3. Công nghiệp điện, nước	182.700	2.780	47.561	92,9	26,03
4. Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động xử lý nước thải	13.500	3.904	18.140	198,3	134,37

Biểu 3



**MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU**

*(Kèm theo Báo cáo số: 441/BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2014	Ước TH tháng 12 năm 2014	Ước TH năm 2014	Ước TH cả năm 2014 so với (%)	
						Kế hoạch	Cùng kỳ
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Quặng kim loại màu	Tấn	70.000	22.509	72.510	103,59	101,38
2	Quần áo may sẵn	1000 cái	1.450	167	1.120	77,24	101,36
3	Gỗ xẻ các loại	m <sup>3</sup>	35.000	6.599	48.100	137,43	101,09
4	Ván Gấp thanh	m <sup>3</sup>	11.200	2.154	13.500	120,54	102,9
5	Giấy bìa các loại	Tấn	3.500	229	2.802	80,06	97,29
6	Gạch nung các loại	1000 viên	55.000	3.480	40.800	74,18	100,06
7	Điện thương phẩm phát ra	1000 Kw/h	170.000	8.000	150.000	88,24	103,45
8	Nước máy sản xuất	1000 m <sup>3</sup>	2.000	125	1.740	87,00	102,72
9	Quặng sắt	Tấn	60.000	4.331	38.950	64,92	103,27

**Biểu 4**

**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Báo cáo số: ~~441~~ /BC-UBND ngày ~~31~~ tháng 12 năm 2014  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2014	Cộng dồn thực hiện năm 2014	Ước TH cả năm 2014 so với (%)	
				Kế hoạch	Cùng kỳ
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>450.000</b>	<b>429.997</b>	<b>95,55</b>	<b>97,05</b>
<b>A</b>	<b>Thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>440.000</b>	<b>419.997</b>	<b>95,45</b>	<b>97,4</b>
<b>I</b>	<b>Tổng thu Nội địa</b>	<b>393.000</b>	<b>394.997</b>	<b>100,51</b>	<b>98,19</b>
1	Thu từ XNQD Trung ương	70.000	52.193	74,56	84,94
2	Thu từ XNQD địa phương	10.000	4.672	46,72	76,15
3	Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài	400	3.298	824,50	269,4
4	Thu thuế khu vực NQD	158.000	130.691	82,72	88,78
5	Thuế thu nhập	11.500	15.089	131,21	110,48
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.300	1.742	134,00	91,44
7	Thu tiền sử dụng đất	49.000	55.580	113,43	100,02
8	Thu thuế nhà đất	100	476	476,00	89,14
9	Thu tiền cho thuê đất	6.700	10.000	149,25	192,42
10	Thu phí xăng dầu/thuế BVMT	19.000	19.000	100,00	99,28
11	Lệ phí trước bạ	25.000	21.801	87,20	91,55
12	Thu phí và lệ phí	26.500	37.367	141,01	106,69
13	Thu tiền bán nhà, thuê nhà		136		101,49
14	Thu khác ngân sách	15.000	39.372	262,48	129,21
15	Thu tại xã	500	580	116,00	70,65
16	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		3.000		
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>47.000</b>	<b>25.000</b>	<b>53,19</b>	<b>86,74</b>
<b>B</b>	<b>Thu XSKT quản lý qua NSNN</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>100,00</b>	<b>83,3</b>





Biểu 5

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2014

Kèm theo Báo cáo số: 441 /BC-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn 2014	Ước năm 2014	Ước giải ngân so với KH (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.678.948</b>	<b>1.629.590</b>	<b>97,1</b>	
1	Nguồn vốn Cân đối ngân sách	242.400	230.000	94,9	
2	Nguồn vốn TWHT có mục tiêu	222.000	200.000	90,1	
3	Nguồn vốn trái phiếu chính phủ	811.842	714.342	88,0	
3.1	Nguồn vốn trái phiếu chính phủ	467.449	414.949	88,8	
3.2	Vốn đối ứng ODA nguồn vốn TPCP năm 2014	75.000	70.000	93,3	
3.3	Nguồn vốn TPCP năm 2013 được phép kéo dài	133.393	133.393	100,0	
3.4	Nguồn vốn TPCP bổ sung năm 2014	66.000	66.000	100,0	
3.5	Nguồn vốn TPCP thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	70.000	30.000	42,9	
4	Nguồn vốn CTMTQG	162.580	100.000	61,5	
5	Dự phòng ngân sách tỉnh	6.648	6.648	100,0	
6	Vốn ODA	77.000	250.000	324,7	
7	Nguồn vốn Xô số kiến thiết	17.500	15.000	85,7	
8	Nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi	61.378	51.000	83,1	
9	Ứng trước các nguồn vốn	66.600	51.600	77,5	
9.1	Nguồn vốn NSTU bổ sung có mục tiêu cho NSDP cho các dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước	12.000	12.000	100,0	
9.2	Ứng trước ngân sách tỉnh	24.600	24.600	100,0	
9.3	Ứng trước NSTW năm 2015	30.000	15.000	50,0	
10	Viện trợ không hoàn lại của Chính Phủ Ailen	11.000	11.000	100,0	